

# MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b>	<b>3</b>
<b>DANH MỤC BIỂU</b>	<b>7</b>
<b>DANH MỤC HÌNH VÀ BẢN ĐỒ</b>	<b>10</b>
<b>DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT</b>	<b>13</b>
<b>TÓM TẮT</b>	<b>15</b>
<b>CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU</b>	<b>17</b>
1.1. Tổng quan	17
1.2. Mục tiêu nghiên cứu	17
<b>CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP</b>	<b>19</b>
2.1. Nguồn số liệu	19
2.2. Định nghĩa các chỉ tiêu/biến số	19
2.3. Phương pháp phân tích số liệu	22
2.4. Phần mềm phân tích số liệu	22
2.5. Hạn chế	22
<b>CHƯƠNG 3: TÌNH HÌNH BIẾT ĐỌC BIẾT VIẾT</b>	<b>23</b>
3.1. Tỷ lệ biết đọc biết viết theo một số đặc trưng kinh tế - xã hội	23
3.2. Tỷ lệ biết đọc biết viết theo các vùng kinh tế - xã hội và các tỉnh/thành phố	27
3.3. Dự báo số lượng dân số ở độ tuổi đi học theo nhóm tuổi	31
<b>CHƯƠNG 4: TÌNH HÌNH ĐI HỌC</b>	<b>33</b>
4.1. Tình hình đi học theo một số đặc trưng kinh tế - xã hội	33
4.2. Tình hình đi học theo các vùng kinh tế - xã hội và các tỉnh/thành phố	37
<b>CHƯƠNG 5: TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN CAO NHẤT ĐẠT ĐƯỢC</b>	<b>45</b>
5.1. Trình độ học vấn cao nhất đạt được theo một số đặc trưng kinh tế - xã hội	45
5.2. Trình độ học vấn cao nhất đã đạt được theo các vùng kinh tế - xã hội và các tỉnh/thành phố	48

<b>CHƯƠNG 6: TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT CAO NHẤT ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC</b>	<b>53</b>
6.1. Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã đạt được theo một số đặc trưng kinh tế - xã hội	53
6.2. Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã đạt được theo các vùng kinh tế - xã hội và các tỉnh/thành phố	57
<b>CHƯƠNG 7: MỐI QUAN HỆ GIỮA GIÁO DỤC, DÂN SỐ VÀ CÁC ĐẶC TRƯNG KINH TẾ-XÃ HỘI</b>	<b>63</b>
7.1. Hướng tới mục tiêu phát triển thiên niên kỷ	63
7.2. Vấn đề con người và “cơ cấu dân số vàng”	66
7.3. Tương quan giữa chỉ số giáo dục cấp tỉnh với cơ cấu dân số, tốc độ gia tăng dân số và điều kiện kinh tế-xã hội	68
<b>CHƯƠNG 8: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ</b>	<b>71</b>
8.1. Tóm tắt các kết quả chính	71
8.2. Những hệ lụy về chính sách	73
<b>PHỤ LỤC</b>	<b>75</b>
1. Phụ lục 1: Các chỉ số cấp quốc gia - Các bảng số liệu bổ sung	75
2. Phụ lục 2: Các chỉ số cấp tỉnh/thành phố – Các bảng dữ liệu bổ sung	95
3. Phụ lục 3: Tóm tắt phân loại theo chuẩn quốc tế về giáo dục của UNESCO (ISCED)	174
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	<b>176</b>

# DANH MỤC BIỂU

## DANH MỤC CÁC BIỂU TRONG PHẦN BÁO CÁO CHÍNH:

Biểu 3.1: Tỷ lệ biết đọc biết viết theo giới tính và thành thị/nông thôn, 1989-2009	23
Biểu 3.2: Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết theo giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội, 2009	27
Biểu 3.3: Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết theo tình trạng giàu nghèo của hộ gia đình và các vùng kinh tế - xã hội, 2009	29
Biểu 3.4: Dự báo số lượng dân số ở các độ tuổi đi học, số lượng học sinh, số lượng giáo viên và lớp học cần có theo các cấp học khác nhau: 2009-2039	32
Biểu 4.1: Tình hình đi học của dân số từ 5 tuổi trở lên theo một số đặc trưng kinh tế - xã hội, 2009	33
Biểu 4.2: Tỷ lệ nhập học đúng tuổi các cấp theo một số đặc trưng kinh tế - xã hội, 2009	36
Biểu 4.3: Tình hình đi học của dân số từ 5 tuổi trở lên theo các vùng kinh tế - xã hội, 2009	38
Biểu 4.4: Tỷ lệ nhập học đúng tuổi các cấp theo các vùng kinh tế - xã hội, giới tính và thành thị/nông thôn, 2009	40
Biểu 5.1: Trình độ học vấn cao nhất đã đạt được của dân số từ 5 tuổi trở lên theo một số đặc trưng kinh tế - xã hội, 2009	45
Biểu 5.2: Trình độ học vấn cao nhất đã đạt được của dân số từ 5 tuổi trở lên theo nhóm tuổi, 2009	46
Biểu 5.3: Trình độ học vấn cao nhất đã đạt được của dân số từ 5 tuổi trở lên theo các vùng kinh tế - xã hội, 2009	48
Biểu 5.4: Trình độ học vấn cao nhất đã đạt được của dân số từ 5 tuổi trở lên của 15 tỉnh/thành phố có tỷ lệ tốt nghiệp THPT trở lên cao nhất, 2009	51
Biểu 6.1: Trình độ chuyên môn kỹ thuật đã đạt được của dân số từ 15 tuổi trở lên theo một số đặc trưng kinh tế-xã hội, 2009	53
Biểu 6.2: Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã đạt được của dân số từ 15 tuổi trở lên theo nhóm tuổi, 2009	55
Biểu 6.3: Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã đạt được của dân số từ 15 tuổi trở lên theo các vùng kinh tế - xã hội, 2009	58
Biểu 7.1: Các chỉ tiêu về phổ cập giáo dục tiểu học theo các vùng kinh tế - xã hội, 2009	64
Biểu 7.2: Tỷ số nữ/nam đang học ở cấp tiểu học, THCS, THPT và tỷ số nữ/nam 15-24 tuổi biết đọc biết viết chia theo các vùng kinh tế - xã hội, 2009	65

## **DANH MỤC CÁC BIỂU TRONG PHẦN PHỤ LỤC:**

Biểu A 1.1: Chỉ số vùng về tình trạng biết đọc, biết viết của dân số từ 15 tuổi trở lên và tình hình đi học của dân số từ 5 tuổi trở lên theo nhóm tuổi, 2009	75
Biểu A 1.2: Chỉ số vùng về trình độ học vấn cao nhất đã đạt được của dân số từ 5 tuổi trở lên theo giới tính, 2009	79
Biểu A 1.3: Chỉ số vùng về trình độ học vấn cao nhất đã đạt được của dân số từ 5 tuổi trở lên theo khu vực thành thị/nông thôn, 2009	80
Biểu A 1.4: Chỉ số cấp vùng về trình độ học vấn cao nhất đã đạt được của dân số từ 5 tuổi trở lên theo dân tộc, 2009	81
Biểu A 1.5: Chỉ số vùng về trình độ học vấn cao nhất đã đạt được của dân số từ 5 tuổi trở lên theo tình trạng di cư, 2009	82
Biểu A 1.6: Chỉ số vùng về trình độ học vấn cao nhất đã đạt được của dân số từ 5 tuổi trở lên theo tình trạng hôn nhân, 2009	83
Biểu A 1.7: Chỉ số vùng về trình độ học vấn cao nhất đã đạt được của dân số từ 5 tuổi trở lên theo nhóm tuổi, 2009	84
Biểu A 1.8: Chỉ số vùng về trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao nhất đã đạt được của dân số từ 15 tuổi trở lên theo giới tính, 2009	87
Biểu A 1.9: Chỉ số vùng về trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao nhất đã đạt được của dân số từ 15 tuổi trở lên theo khu vực thành thị/ nông thôn, 2009	88
Biểu A 1.10: Chỉ số vùng về trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao nhất đã đạt được của dân số từ 15 tuổi trở lên theo dân tộc, 2009	89
Biểu A 1.11: Chỉ số vùng về trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao nhất đã đạt được của dân số từ 15 tuổi trở lên theo tình trạng di cư, 2009	90
Biểu A 1.12: Chỉ số vùng về trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao nhất đã đạt được của dân số từ 15 tuổi trở lên theo nhóm tuổi, 2009	91
Biểu A 2.1: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về tỷ lệ biết đọc biết viết trong dân số từ 15 tuổi trở lên theo giới và nông thôn/thành thị, 2009	92
Biểu A 2.2: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về tỷ lệ biết đọc biết viết của dân số từ 15 tuổi trở lên theo nhóm tuổi, 2009	95
Biểu A 2.3: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về tình hình đi học của dân số từ 5 tuổi trở lên theo giới tính, 2009	100
Biểu A 2.4: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về tình hình đi học của dân số từ 5 tuổi trở lên theo thành thị/nông thôn, 2009	102
Biểu A 2.5: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về tình hình đi học của dân số từ 5 tuổi trở lên theo dân tộc, 2009	104

Biểu A 2.6: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về tình hình đi học của dân số từ 5 tuổi trở lên theo tình trạng di cư, 2009	106
Biểu A 2.7: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về tỷ lệ dân số từ 5 tuổi trở lên đang đi học theo nhóm tuổi, 2009	110
Biểu A 2.8: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về tỷ lệ nhập học đúng tuổi các cấp theo nông thôn/thành thị, 2009	113
Biểu A 2.9: Chỉ tiêu cấp tỉnh/thành phố về tỷ lệ nhập học đúng tuổi các cấp theo giới tính, 2009	115
Biểu A 2.10: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về tỷ lệ dân số 5-18 tuổi bỏ học theo nông thôn/thành thị, 2009	117
Biểu A 2.11: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về trình độ học vấn cao nhất đã đạt được của dân số từ 5 tuổi trở lên, 2009	119
Biểu A 2.12: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về trình độ học vấn cao nhất theo giới tính	121
Biểu A 2.13: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về trình độ học vấn cao nhất đã đạt được của dân số từ 5 tuổi trở lên theo khu vực thành thị/nông thôn, 2009	124
Biểu A 2.14: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về trình độ học vấn cao nhất đã đạt được của dân số từ 5 tuổi trở lên theo dân tộc, 2009	127
Biểu A 2.15: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về trình độ học vấn cao nhất đã đạt được của dân số từ 5 tuổi trở lên theo tình trạng di cư, 2009	130
Biểu A 2.16: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về trình độ học vấn cao nhất đã đạt được của dân số từ 5 tuổi trở lên theo tình trạng hôn nhân, 2009	133
Biểu A 2.17: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về tỷ lệ dân số từ 5 tuổi trở lên chưa tốt nghiệp tiểu học theo nhóm tuổi, 2009	136
Biểu A 2.18: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về tỷ lệ dân số từ 5 tuổi trở lên tốt nghiệp tiểu học theo nhóm tuổi, 2009	139
Biểu A 2.19: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về tỷ lệ dân số tốt nghiệp trung học cơ sở theo nhóm tuổi, 2009	142
Biểu A 2.20: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về tỷ lệ dân số từ 10 tuổi trở lên tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên theo nhóm tuổi, 2009	145
Biểu A 2.21: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao nhất của dân số từ 15 tuổi trở lên theo giới tính, 2009	148
Biểu A 2.22: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao nhất của dân số từ 15 tuổi trở lên theo khu vực thành thị/nông thôn, 2009	151
Biểu A 2.23: Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao nhất của dân số từ 15 tuổi trở lên theo dân tộc, 2009	154

Biểu A 2.24. Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao nhất của dân số từ 15 tuổi trở lên theo tình trạng di cư, 2009	157
Biểu A 2.25. Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao nhất của dân số từ 15 tuổi trở lên theo tình trạng hôn nhân, 2009	160
Biểu A 2.26. Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có chứng chỉ sơ cấp nghề theo nhóm tuổi, 2009	163
Biểu A 2.27. Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có bằng trung học chuyên nghiệp theo nhóm tuổi, 2009	166
Biểu A 2.28. Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có bằng cao đẳng theo nhóm tuổi, 2009	169
Biểu A 2.29. Chỉ số cấp tỉnh/thành phố về tỷ lệ dân số dân số có bằng đại học hoặc sau đại học theo nhóm tuổi, 2009	174

## DANH MỤC HÌNH VÀ BẢN ĐỒ

Hình 3.1: Tỷ lệ dân số 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết theo giới tính, 1989-2009	24
Hình 3.2: Tỷ lệ dân số 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết theo nhóm tuổi và giới tính, 2009	24
Hình 3.3: Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết của một số nước Đông Nam Á	25
Hình 3.4: Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết theo dân tộc, 2009	26
Hình 3.5: Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết theo tình trạng di cư, 2009	26
Hình 3.6: Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết theo tình trạng giàu nghèo của hộ gia đình, 2009	27
Hình 3.7: Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết theo giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội, 2009	28
Hình 3.8. Chênh lệch giữa nam và nữ về tỷ lệ biết đọc biết viết theo tỉnh, 2009	30
Hình 3.9. Chênh lệch giữa nông thôn và thành thị về tỷ lệ biết đọc biết viết theo tỉnh, 2009	30
Hình 3.10: Bản đồ tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết theo các tỉnh/thành phố, 2009	31
Hình 4.1: Tỷ lệ dân số từ 5 tuổi trở lên chưa bao giờ đến trường chia theo một số đặc trưng kinh tế - xã hội, 2009	34

Hình 4.2: Tỷ lệ dân số từ 5 tuổi trở lên chưa bao giờ đến trường theo nhóm tuổi và giới tính, 2009	35
Hình 4.3: Tỷ lệ dân số 5-18 tuổi bỏ học theo thành thị/nông thôn, 1989-2009	35
Hình 4.4: Tỷ lệ nhập học đúng tuổi các cấp theo tình trạng di cư, 2009	37
Hình 4.5: Tỷ lệ dân số từ 5-18 tuổi bỏ học theo giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội, 1989-2009	39
Hình 4.6: Tỷ lệ dân số 5-18 tuổi bỏ học theo giới tính và tỉnh/thành phố, 2009	42
Hình 4.7. Tỷ lệ nhập học đúng tuổi cấp tiểu học theo tỉnh/thành phố, 2009	43
Hình 4.8. Tỷ lệ nhập học đúng tuổi cấp THCS theo tỉnh/thành phố, 2009	43
Hình 4.9. Tỷ lệ nhập học đúng tuổi cấp THPT theo tỉnh/thành phố, 2009	43
Hình 4.10. Tỷ lệ nhập học đúng tuổi cấp Cao đẳng/đại học theo tỉnh/thành phố, 2009	43
Hình 5.1: Trình độ học vấn cao nhất đã đạt được của dân số từ 5 tuổi trở lên theo tình trạng giàu nghèo của hộ gia đình, 2009	47
Hình 5.2: Trình độ học vấn cao nhất đã đạt được của dân số từ 5 tuổi trở lên theo nhóm dân tộc, 2009	47
Hình 5.3: Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên đã tốt nghiệp THPT trở lên theo các vùng kinh tế - xã hội, 1989-2009	49
Hình 5.4: Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên đã tốt nghiệp cao đẳng trở lên chia theo thành thị/nông thôn và giới tính, 2009	50
Hình 5.5: Tỷ lệ dân số từ 5 tuổi trở lên chia theo trình độ học vấn cao nhất đã đạt được và các tỉnh/thành phố, 2009	52
Hình 6.1: Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã đạt được của dân số từ 15 tuổi trở lên theo tình trạng giàu nghèo của hộ gia đình, 2009	54
Hình 6.2: Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đạt được và nhóm dân tộc, 2009	55
Hình 6.3: Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã đạt được của dân số từ 15 tuổi trở lên theo giới tính và thành thị/nông thôn, 2009	56
Hình 6.4: Tỷ lệ phần trăm dân số từ 15 tuổi trở lên có trình độ cao đẳng trở lên theo nhóm dân tộc, 1989-2009	57
Hình 6.5: Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã đạt được của dân số từ 15 tuổi trở lên theo tỉnh/thành phố, 2009	59
Hình 6.6: Tỷ lệ phần trăm dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã đạt được và tỉnh/thành phố, 2009	60

Hình 7.1: Tỷ lệ nhập học đúng tuổi cấp tiểu học, Việt Nam và một số nước Đông Nam Á	64
Hình 7.2 : Tỷ số nữ/nam 15-24 tuổi biết đọc biết viết chia theo các vùng kinh tế - xã hội, 2009	65
Hình 7.3: Tỷ lệ dân số từ 25 tuổi trở lên có trình độ giáo dục bậc trung của một số nước trên thế giới	66
Hình 7.4: Tỷ lệ dân số từ 25 tuổi trở lên có trình độ giáo dục bậc cao của một số nước trên thế giới	67
Hình 7.5: Tỷ lệ phần trăm dân số từ 25 tuổi trở lên đạt trình độ học vấn ở các bậc khác nhau theo thành thị/nông thôn	68
Hình 7.6. Tương quan giữa thu nhập bình quân và tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có trình độ từ cao đẳng trở lên	69
Hình 7.7. Tương quan giữa tỷ lệ dân số từ 5 tuổi trở lên chưa bao giờ đến trường và tỷ lệ hộ nghèo	69
Hình 7.8. Tương quan giữa tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên không biết đọc biết viết với TFR	70
Hình 7.9. Tương quan giữa tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có trình độ cao đẳng trở lên với SMAM của nữ giới	70



## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CĐ	Cao đẳng
ĐH	Đại học
ISCED	Phân loại chuẩn quốc tế về giáo dục
MDG	Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDG)
SMAM	Tuổi kết hôn trung bình lần đầu
SRB	Tỷ số giới tính khi sinh
TCTK	Tổng cục Thống kê
TĐTDS 2009	Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009
TFR	Tổng tỷ suất sinh
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
UNESCO	Quỹ văn hóa giáo dục Liên hợp quốc
UNFPA	Quỹ dân số Liên hợp quốc